

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2023

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đỗ Ngọc H, sinh năm 1997 (Xin vắng mặt)

HKTT: Số nhà 171, đường Đ, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm L, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

HKTT: Số nhà 171, đường Đ, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo khởi kiện đề ngày 08/4/2023 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn M kết hôn với nhau ngày 12/5/2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên có được tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi kết hôn chị về làm dâu gia đình nhà anh M ngay và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh M. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế. Chị hiện nay đã về nhà bố mẹ đẻ ở Lạng Giang để ở, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 03/01/2023. Hiện nay cháu H đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, bị đơn anh Đỗ Văn M trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Đỗ Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 12/5/2022 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu một thời gian. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu gia đình nhà anh và vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt hàng ngày, vợ chồng không bảo ban được nhau trong việc phát triển kinh tế nên có đánh cãi chửi nhau, chị H hay bỏ nhà đi vô cớ. Từ tết đến nay chị H mâu thuẫn với mẹ anh nên hai vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ chị H để ở. Tuy nhiên, khoảng từ giữa tháng 2/2023 thì do anh có mâu thuẫn với bố mẹ đẻ chị H liên quan tới vấn đề kinh tế (do anh chơi cờ bạc nên có cấm xe của bố mẹ chị H) nên anh không ở nhà bố mẹ chị H nữa mà vào Bình Dương làm ăn. Tuy nhiên, anh vẫn thường xuyên về nhà. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 03/01/2023. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu H và không

yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện nay đang làm ở trại gà có mức thu nhập 13.000.000 đồng/01 tháng.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản làm việc ngày 06/6/2023, ông Đỗ Văn Điền bố đẻ chị Đỗ Ngọc H cho biết:* Chị Đỗ Ngọc H và anh Đỗ Văn M kết hôn với nhau ngày 12/5/2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Bắc Giang. Sau khi cưới xong, chị H anh M có về chung sống cùng gia đình anh M được 01 tháng, sau đó chị H anh M về nhà ông chung sống. Quá trình chung sống, chị H anh M có nhiều mâu thuẫn, nhiều lúc đánh cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2023 đến nay thì anh M chị H không còn chung sống cùng nhau nữa, anh M đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không ai còn quan tâm tới ai. Anh M chị H có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 03/01/2023. Do cháu H còn nhỏ nên hiện nay chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị H xin ly hôn anh M và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung thì ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2023, ông Nguyễn Văn Cường, tổ trưởng tổ dân phố Chùa Thành, phường X cung cấp như nhau:* Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1990 và chị Đỗ Ngọc H, sinh năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X. Trong quá trình chung sống thì chị H, anh M có mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được nhưng hiện tại chị H anh M đang sống ly thân. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Nghĩa Hưng để ở. Nay chị H xin ly hôn anh M thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn M được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ngọc H được ly hôn anh Đỗ Văn M

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 03/01/2023 cho chị Đỗ Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đỗ Ngọc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Đỗ Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Đỗ Văn M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn anh Đỗ Văn M có nơi cư trú tại phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] *Về sự vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn chị Đỗ Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Văn M đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Ngọc H và anh Đỗ Văn M kết hôn với nhau ngày 12/5/2022 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị H đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn bản gốc nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cả chị H và anh M đều xác định trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau và không bao ban được nhau trong quá trình làm ăn, phát triển kinh tế. Vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 đến nay. Xác minh với bố đẻ chị H và tổ trưởng tổ dân phố Chùa Thành được biết vợ chồng chị H anh M hiện đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H anh M về đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H anh M là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do vậy, chị H xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị H, anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ M H, sinh ngày 03/01/2023. Ly hôn, chị H anh M đều có nguyện vọng được nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại thời điểm xét xử cháu H mới 6 tháng 01 ngày và vẫn đang trong thời kỳ bú mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường, toàn diện của cháu H thì cần giao cháu H cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H, anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ngọc H được ly hôn anh Đỗ Văn M.

2.2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Mạnh H, sinh ngày 03/01/2023 cho chị Đỗ Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002229 ngày 18/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên